

Bản án số: 02/2016/LĐ-ST

Ngày: 21.10.2016

Về việc: "*Tranh chấp đòi tiền
trợ cấp thôi việc*".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU- TP ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hoài Sơn**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Vũ Ngọc Thanh**

Ông **Nguyễn Văn Hiễn**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Hùng** - cán bộ
Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham
gia phiên tòa:* Ông **Võ Quang Tiến** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29.9.2016 và ngày 21.10.2016, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động sơ thẩm thụ lý số 02/2016/TLST-LĐ ngày 10.8.2016, về việc "*Tranh chấp đòi tiền trợ cấp thôi việc*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2016/QĐST-LĐ ngày 12.9.2016; thông báo về việc tiếp tục mở phiên tòa số 01/TB-TA ngày 04.10.2016 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Ông **Trần Quang D** - sinh năm: 1965. Địa chỉ: Tổ 27A, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

+ Bị đơn: **Công ty cổ phần Chế tạo kết cấu thép V**. Địa chỉ: Đường số 9 Khu công nghiệp H, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đào Ngọc H** - Chức vụ: Phó giám đốc Công ty (*theo giấy ủy quyền số 469/UQ-VNECO.SSM ngày 01.9.2016*).

(Các đương sự có mặt)

NHẬN THẤY:

** Theo đơn khởi kiện đến Tòa án cũng như quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, ông Trần Quang D trình bày:*

Tháng 02.1984 đến tháng 6.2002, tôi là công nhân xây lắp đường dây cao thế thuộc Công ty X (nay là Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện V) quản lý. Ngày 15.8.2002, được giám đốc Công ty X điều về nhận công tác tại Nhà máy chế tạo kết cấu thép Đ thuộc Công ty X (nay là Công ty cổ phần chế tạo kết cấu thép V).

Đến ngày 10.8.2015, tôi chấm dứt hợp đồng lao động tại Công ty cổ phần chế tạo kết cấu thép V theo quyết định số 382/QĐ/VNECO.SSM TC-LĐ-HC nhưng Công ty chỉ trả trợ cấp thôi việc cho tôi được 06 năm 06 tháng kể từ tháng 7.2002 đến ngày 31.12.2008. Thời gian trước đó từ tháng 02.1984 đến tháng 6.2002, Công ty không chịu chi trả tiền trợ cấp thôi việc.

Nay tôi yêu cầu Công ty cổ phần chế tạo kết cấu thép V phải trả tiền trợ cấp thôi việc cho tôi từ tháng 02.1984 đến tháng 6.2002 là 18 năm 05 tháng x 0,5 tháng x 5.060.000đồng = 46.805.000đồng.

*** Đại diện bị đơn Công ty cổ phần chế tạo kết cấu thép V ông Đào Ngọc H trình bày:**

Công ty cổ phần Chế tạo kết cấu thép V (trước đây Nhà máy chế tạo kết cấu thép Đ thuộc Công ty X, nay là Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện V) được thành lập theo quyết định số 225/QĐ-HĐQT ngày 31.8.2001 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty xây dựng công nghiệp V.

Tại thời điểm thành lập mới, có một số công nhân được Công ty X điều động về làm việc tại đơn vị trong đó có ông Trần Quang D theo quyết định số 1610/QĐ/XLĐ3-TCLĐHC ngày 02.8.2002, ngày làm việc từ ngày 15.8.2002.

Ngày 01.9.2004, Công ty chuyển đổi hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo quyết định số 85/2004/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ công nghiệp và ông Trần Quang D được giám đốc Công ty ký hợp đồng lao động ngày 01.10.2004.

Căn cứ đơn xin nghỉ việc của ông Trần Quang D, ngày 15.8.2015, Giám đốc Công ty cổ phần chế tạo kết cấu thép V ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Trần Quang D trong đó có khoản trợ cấp thôi việc được tính từ tháng 7.2002 đến ngày 31.12.2008 với thời gian 06 năm 06 tháng.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật lao động sửa đổi 2012 và Điều 14 Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12.01.2015 của Chính Phủ thì Công ty đã tính đúng và đủ theo quy định của Luật lao động.

Là một doanh nghiệp mới được thành lập, không hình thành trên cơ sở sát nhập, hợp nhất, chia tách doanh nghiệp và hướng dẫn tại mục b khoản 4 Nghị định 05 quy định về trợ cấp thôi việc thì Công ty chúng tôi không có trách nhiệm chi trả khoản trợ cấp thôi việc cho thời gian người lao động đã làm việc cho cho người sử

dụng lao động trước đây. Đồng thời theo mục 2 Điều 38: Quy định chuyển tiếp của nghị định 05 thì trường hợp ông Trần Quang D chuyển đến Công ty ngày 15.8.2002 tức sau ngày 01.01.1995 do đó không thuộc trường hợp Công ty chúng tôi phải chi trả.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

Ông Trần Quang D làm việc làm việc tại Tổng đội xây lắp thí nghiệm điện thuộc Công ty X (nay là Tổng công ty cổ phần xây dựng điện V) từ tháng 02.1984 đến tháng 6.2002, với chức vụ công nhân xây lắp đường dây cao thế. Ngày 31.8.2001, Hội đồng quản trị Tổng công ty xây dựng công nghiệp V ký Quyết định số 225/QĐ-HĐQT về việc thành lập Nhà máy Chế tạo kết cấu thép Đ thuộc Công ty X. Ngày 02.8.2002, Giám đốc Công ty X đã ký, ban hành quyết định số 1610/QĐ/XLD3-TCLĐ-TT về việc điều động cán bộ công nhân viên, điều động ông Trần Quang D đến nhận công tác tại Nhà máy Chế tạo kết cấu thép Đ. Ngày 01.9.2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành quyết định số 85/2004/QĐ-BCN về việc chuyển Nhà máy Chế tạo kết cấu thép Đ thành Công ty cổ phần Chế tạo kết cấu thép Đ, theo đó, tại điều 4 của Quyết định quy định: "...*Công ty cổ phần Chế tạo kết cấu thép Đ là Công ty con trong mô hình thí điểm Công ty mẹ - Công ty con của Công ty X*" và Điều 5 của Quyết định quy định: "... *Tổng giám đốc và kế toán trưởng C có trách nhiệm điều hành công việc của Nhà máy Chế tạo kết cấu thép Đ cho đến khi bàn giao toàn bộ vốn, tài sản, lao động cho Hội đồng quản trị và giám đốc Công ty cổ phần*". Ngày 01.10.2004, giữa Công ty cổ phần Chế tạo kết cấu thép V và ông Trần Quang D ký hợp đồng không xác định thời hạn và làm việc tại Công ty. Đến ngày 06.8.2015, ông D có đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động và ngày 10.8.2015, Giám đốc Công ty cổ phần chế tạo kết cấu thép V ban hành quyết định số 382/QĐ/VNECO.SSM-TCLĐ-HC về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông Trần Quang D kể từ ngày 10.8.2015, đồng thời ông Trần Quang D được hưởng trợ cấp thôi việc theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Lao động:

- Thời gian từ tháng 02.1984 đến hết tháng 7.2015 là 31 năm 6 tháng.
- Thời gian được tính trợ cấp thôi việc tính từ tháng 7.2002 đến 31.12.2008 là 6 năm 6 tháng.
- Số tiền trợ cấp thôi việc: $5.060.000 \times 7 \times 0.5 = 17.710.000$ đồng.

Tại phiên tòa, ông D cho rằng Công ty trả trợ cấp thôi việc chưa đúng với thời gian ông đã làm việc, Công ty đã không trả tiền trợ cấp thôi việc cho ông từ tháng 02.1984 đến tháng 6.2002 là 18 năm 05 tháng x 0,5 tháng x 5.060.000đồng = 46.805.000đồng. Do vậy, ông yêu cầu Công ty cổ phần Chế tạo kết cấu thép V phải trả số tiền trợ cấp thôi việc là 46.805.000đồng.

Xét yêu cầu của ông D thì thấy: Từ tháng 02.1984, ông D làm việc tại Công ty X thuộc Tổng công ty xây dựng Công nghiệp V thuộc Bộ Công nghiệp, đến ngày 02.8.2002 Giám đốc Công ty X điều động ông D đến nhận công tác tại Nhà máy chế tạo kết cấu thép Đ kể từ ngày 15.8.2002. Tại Quyết định số 85/2004/QĐ-BCN ngày 01.9.2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp đã chuyển Nhà máy Chế tạo kết cấu thép Đ thành Công ty cổ phần Chế tạo kết cấu thép Đ, theo đó Công ty cổ phần Chế tạo kết cấu thép Đ là công ty con trong mô hình Công ty mẹ - Công ty con của Công ty X. Mặc dù Công ty cổ phần Chế tạo kết cấu thép V được thành lập năm 2004 nhưng được thành lập trên cơ sở Nhà máy Chế tạo kết cấu thép Đ, trước đó khi chuyển mô hình từ Nhà máy sang Công ty cổ phần thì Nhà máy Chế tạo kết cấu thép chưa giải quyết chế độ cho ông D. Thời gian ông D làm việc kể từ tháng 2.1984 đến khi chấm dứt hợp đồng lao động tháng 8.2015 là 31 năm 06 tháng. Công ty cổ phần Chế tạo kết cấu thép V đã trả trợ cấp thôi việc từ tháng 7.2002 đến 31.12.2008 với thời gian được 6 năm 06 tháng, thời gian còn lại trước đó là 18 năm 06 tháng chưa chi trả cho ông D. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của ông D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12.01.2015 của Chính phủ: *“Người lao động tiếp tục được sử dụng, người lao động đưa đi đào tạo lại để tiếp tục sử dụng, người lao động được chuyển sang làm việc không trọn thời gian tại doanh nghiệp sau khi chuyển quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng tài sản theo phương án sử dụng lao động quy định tại Khoản 1 Điều này, khi chấm dứt hợp đồng lao động thì người sử dụng lao động kế tiếp có trách nhiệm tính trả trợ cấp thôi việc theo quy định tại Điều 48 hoặc trợ cấp mất việc làm theo quy định tại Điều 49 của Bộ luật Lao động đối với thời gian người lao động làm việc thực tế cho mình và trợ cấp thôi việc đối với thời gian người lao động làm việc thực tế tại doanh nghiệp trước khi chuyển quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng tài sản, kể cả thời gian làm việc tại khu vực nhà nước được tuyển dụng lần cuối vào doanh nghiệp chuyển quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng tài sản trước ngày 01 tháng 01 năm 1995”* và phù hợp với Điều 48 của Bộ luật Lao động nên cần chấp nhận.

Công ty cổ phần Chế tạo kết cấu thép V cho rằng đã chi trả, thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho ông D theo quyết định chấm dứt hợp đồng lao động là 06 năm 06 tháng là đã tính đủ cho người lao động, phù hợp với quy định của pháp luật, còn đối với yêu cầu khởi kiện của ông D yêu cầu Công ty phải trả trợ cấp thôi việc từ tháng 02.1984 đến tháng 06.2002 là 18 năm 06 tháng với số tiền 46.805.000 đồng thì Công ty không chấp nhận vì theo hướng dẫn tại điểm b khoản 4 Điều 14, khoản 2 Điều 38 Nghị định 05/2014/NĐ-CP ngày 12.01.2015 của Chính Phủ.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc chuyển từ Nhà máy Chế tạo kết cấu thép Đ sang Công ty cổ phần Chế tạo kết cấu thép V chỉ là thay đổi mô hình hoạt động, người lao động vẫn làm việc và chưa được giải quyết chế độ. Công ty cổ phần Chế tạo kết cấu thép V kế thừa nên phải giải quyết chế độ trợ cấp thôi việc cho ông D đối với thời gian ông D làm việc trước đó tại Công ty X, Nhà máy Chế tạo kết cấu thép Đ là phù hợp với khoản 3 Điều 15 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12.01.2015 của Chính phủ và Điều 48 của Bộ luật Lao động nên cần chấp nhận. Do đó, lời trình bày của Công ty cổ phần Chế tạo kết cấu thép V không có căn cứ để chấp nhận. Hội đồng xét xử buộc Công ty cổ phần Chế tạo kết cấu thép V phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho ông D từ tháng 02.1984 đến tháng 06.2002 với thời gian 18 năm 06 tháng là 46.805.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

* Án phí lao động sơ thẩm: Công ty cổ phần chế tạo kết cấu thép V phải chịu là 1.404.180 đồng.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi nghị án.

Các đương sự gồm: Nguyên đơn ông Trần Quang D, bị đơn Công ty cổ phần Chế tạo kết cấu thép V đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu về việc "*Tranh chấp đòi tiền trợ cấp thôi việc*" đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật lao động sửa đổi năm 2012; khoản 3 Điều 15 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12.01.2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quang D đối với Công ty cổ phần Chế tạo kết cấu thép V. Buộc Công ty cổ phần Chế tạo kết cấu thép V phải thanh toán cho ông Trần Quang D số tiền 46.806.000 đồng (bốn mươi sáu triệu tám trăm lẻ sáu nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: - Điều 48 Bộ luật lao động sửa đổi năm 2012;
- Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12.01.2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động.

- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27.2.2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang D đối với Công ty cổ phần Chế tạo kết cấu thép V về việc "*Tranh chấp đòi tiền trợ cấp thôi việc*".

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty cổ phần Chế tạo kết cấu thép V phải trả cho ông Trần Quang D số tiền 46.806.000đồng (bốn mươi sáu triệu tám trăm lẻ sáu nghìn đồng).

2. Án phí lao động sơ thẩm: 1.404.180đồng (một triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn một trăm tám mươi đồng), Công ty cổ phần Chế tạo kết cấu thép V phải chịu.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Hoài Sơn

